

LUẬT HỌC SO SÁNH

Bởi những giá trị to lớn của luật học so sánh, ở nước ta trong thời gian gần đây, việc học tập, nghiên cứu và giảng dạy về luật học so sánh ngày càng phát triển. Sự xuất hiện các công trình nghiên cứu về luật học so sánh ở nước ta trong thời gian gần đây, không chỉ phản ánh sự quan tâm ngày càng lớn của xã hội nói chung và của các nhà luật học nói riêng đến luật học so sánh, mà còn phản ánh nhu cầu cấp thiết và tầm quan trọng của hướng tiếp cận nghiên cứu pháp luật bằng so sánh pháp luật. Trong số không nhiều những công trình nghiên cứu đã công bố ở nước ta về luật học so sánh, cuốn sách chuyên khảo *Luật học so sánh* của GS.TS. Võ Khánh Vinh - Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, kiêm Giám đốc Học viện Khoa học xã hội mang tính nổi trội không chỉ bởi quy mô mà còn bởi nội dung phong phú và sâu sắc của nó. Sách do Nhà xuất bản Khoa học xã hội xuất bản năm 2013, được dùng làm Giáo trình sau đại học tại Học viện Khoa học xã hội. Sách dày 451 trang, gồm 2 phần, 15 chương và danh mục tài liệu tham khảo.

Chương I, khi phân tích khái niệm luật học so sánh, tác giả cho rằng, “cho đến nay, thuật ngữ *luật học so sánh* có ba nghĩa: là phương pháp, là khoa học, là môn học” và khẳng định rằng, “trong giáo trình này, luật học so sánh được xem xét chủ yếu với tư cách là một khoa học và một môn học” (tr.14). Phân tích đối tượng của luật học so sánh, tác giả nêu và lập luận một cách thuyết phục 6 nhóm vấn đề thuộc đối tượng của khoa học và môn học luật học so sánh (tr.29). Luật học so sánh, theo tác giả có nhiều khía cạnh và nhiều chức năng, có thể cung cấp cho chúng ta

cả những kết quả khoa học riêng của nó: những kết quả nhận thức - lý luận lẫn những kết quả thực tiễn - ứng dụng. Nó vừa là việc áp dụng phương pháp so sánh với tư cách là phương thức khoa học riêng, đặc thù của việc nghiên cứu, vừa là khuynh hướng của các nghiên cứu về pháp luật nói chung (tr.29). Nghiên cứu mối liên hệ giữa khoa học luật học so sánh và môn luật học so sánh, tác giả nhấn mạnh, “việc giảng dạy luật học so sánh - ở khía cạnh nhập môn nghiên cứu các hệ thống pháp luật cơ bản hiện nay hoặc ở khía cạnh nghiên cứu so sánh các ngành và chế định pháp luật là sự đồ đầu quan trọng cho sự phát triển của khoa học pháp lý hiện nay và của việc đào tạo pháp luật. Cùng với việc nghiên cứu pháp luật quốc gia, khoa học pháp lý và đào tạo pháp luật còn có nhiệm vụ nghiên cứu những quy luật và xu hướng phát triển có quy mô rộng lớn của pháp luật trong thời đại ngày nay... Tầm quan trọng của việc phân tích kinh nghiệm phát triển của thế giới, trong đó có nghiên cứu các quá trình diễn ra trong xã hội hiện nay, xuất phát từ nhu cầu của cuộc cải cách, đổi mới chính trị và pháp luật” (tr.37).

Chương II, khi phân tích khái niệm và ý nghĩa của sự so sánh, tác giả cho rằng, “mọi sự so sánh là hiện tượng tổng thể đặc thù, là sự thống nhất của ba yếu tố: biện pháp logic của sự nhận thức, kết quả nhận thức đặc thù và sự hiểu biết nội dung và trình độ nhất định” (tr.40). So sánh, theo tác giả là một bộ phận không thể thiếu được của tư duy con người. Nó không chỉ sử dụng trong tư duy, nhận thức khoa học mà còn ở hoạt động sản xuất của con người, trong sinh hoạt của họ, trong lĩnh

vực giáo dục. So sánh có ý nghĩa nhận thức và thực tiễn. Đó là phương pháp khoa học chung và phương pháp logic của nhận thức được cả các nhà triết học cổ đại, cả những nhà tư tưởng của thời đại mới chú trọng đặc biệt (tr.39). Khi nghiên cứu phương pháp so sánh pháp luật, tác giả nhấn mạnh rằng, việc nghiên cứu so sánh pháp luật bằng cách làm sáng tỏ cái giống nhau, phát hiện được cả những đặc điểm mà dựa vào đó các hệ thống pháp luật được so sánh khác biệt với nhau. Hai nhiệm vụ và khả năng của việc nghiên cứu so sánh pháp luật cũng có mối liên hệ chặt chẽ với nhau và khác nhau của các hệ thống pháp luật (tr.42).

Tác giả dành chương III để nghiên cứu lịch sử luật học so sánh. Khi phân tích lịch sử của luật học so sánh, tác giả nêu bật cơ sở, đặc điểm của quá trình hình thành và phát triển của nó. Chẳng hạn, luận bàn về luật học so sánh ở nửa đầu thế kỷ XX, tác giả nhận xét rằng, xu hướng vượt ra khỏi giới hạn của các dân tộc từng phần để tạo điều kiện cho việc xích lại liên tục của các hệ thống pháp luật quốc gia, đặc biệt vẫn là xu hướng không đổi” (tr.90).

Chương IV, tác giả phân tích 6 mục đích của luật học so sánh và việc sử dụng các kết quả nghiên cứu của luật học so sánh trong 7 lĩnh vực pháp luật tương ứng là hoạt động xây dựng pháp luật, giải thích pháp luật, thực tiễn áp dụng pháp luật, hoạt động của các chủ thể kinh doanh, nghiên cứu khoa học, đào tạo cán bộ, hoạt động của các tổ chức quốc tế và các tổ chức liên quốc gia (tr.113).

Trong chương V, khi phân tích 3 chức năng luật học so sánh là chức năng giáo dục, chức năng thực tiễn và chức năng nhất thể hóa quốc tế đối với pháp luật, tác giả nêu bật vai trò, hình thức biểu hiện của mỗi chức năng cụ thể nêu trên.

Chương VI, ngoài những vấn đề chung về khách thể của luật học so sánh, tác giả

còn phân tích các khách thể cụ thể như hiện thực pháp luật, các hiện tượng và thiết chế pháp luật, các học thuyết, các quan điểm và các quan niệm pháp luật, các hệ thống pháp luật ở các quốc gia, các văn bản và tổng thể pháp lý được hình thành trong liên minh quốc gia, các văn bản quy phạm pháp luật quốc gia, các ngành, tiểu ngành và các loại văn bản quy phạm pháp luật, các chế định pháp luật, các đạo luật và các văn bản quy phạm pháp luật, các quy phạm pháp luật, kỹ thuật pháp lý. Khi phân tích các khách thể cụ thể trên đây của luật học so sánh, tác giả tập trung làm rõ đặc điểm của từng loại khách thể, khả năng, phạm vi, quy mô được so sánh và các yêu cầu đặt ra đối với việc so sánh khách thể đó. Chẳng hạn, đối với việc so sánh pháp luật qua các đạo luật và các văn bản quy phạm pháp luật, tác giả nhấn mạnh rằng, “khi nghiên cứu các luật và các văn bản quy phạm pháp luật khác của các nước, thứ nhất, cần phải đánh giá đúng đắn các giới hạn của sự trùng nhau trong các đối tượng điều chỉnh của các luật và văn bản quy phạm pháp luật khác; thứ hai, làm sáng tỏ một cách chính xác vị trí của văn bản đó trong hệ thống của sự điều chỉnh ngành hoặc liên ngành và sự tương quan của chúng với các văn bản quy phạm pháp luật khác; thứ ba, nghiên cứu thông tin về thực tiễn áp dụng của đạo luật được so sánh nhằm tránh những tương tự hình thức” (tr.148).

Phân loại hệ các hệ thống pháp luật là nội dung được tác giả đề cập xem xét tại chương VII của cuốn sách. Khi phân tích nội dung của các phạm trù như bức tranh pháp luật thế giới, hệ thống pháp luật, họ pháp luật, các tiêu chuẩn phân loại các hệ thống pháp luật, học thuyết về các họ pháp luật, tác giả đều đưa ra những kết luận hết sức xác đáng. Chẳng hạn, khi lập luận họ pháp luật là phạm trù đặc thù của

luật học so sánh, tác giả khẳng định một cách đúng đắn rằng, “họ pháp luật được hiểu là tổng thể rộng lớn nhiều hoặc ít các hệ thống pháp luật quốc gia đã được hợp nhất lại bằng sự giống nhau của sự hình thành về mặt lịch sử, của cơ cấu, của các nguồn luật, của các ngành và chế định pháp luật cơ bản, của việc áp dụng pháp luật, của bộ máy phạm trù - khái niệm của khoa học pháp lý” (tr.156).

Tại chương VIII, thông qua việc phân tích sự kết hợp “yếu tố dân tộc”, “yếu tố quốc tế”, “yếu tố phát triển” trong pháp luật, khái quát các khuynh hướng phát triển chung của pháp luật trên thế giới, sự khác biệt trong các hệ thống pháp luật, tác giả cho rằng “Để tiến hành hợp tác một cách có hiệu quả trong lĩnh vực pháp luật”, các quốc gia hợp tác cần phải biết các khác biệt pháp luật và đặc điểm đặc thù trong hệ thống pháp luật của nhau. Trước hết, cần chú ý đến cái chung và cái đặc thù trong hệ thống các nguồn luật; tiếp đến là chú ý đến sự khác biệt trong giải thích khái niệm và nội dung của cấu trúc quy phạm và của các hệ thống pháp luật, trong đặc điểm đặc trưng của các khái niệm, của các thuật ngữ; trong phương pháp điều chỉnh pháp luật; trong các nguồn gốc tư tưởng, tôn giáo và thế giới quan của pháp luật. Phần lớn các khác biệt pháp luật liên quan với các truyền thống và trình độ văn hóa pháp luật. Các quy tắc của “kỹ thuật pháp lý” và của việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật không chỉ phản ánh các phương thức và yếu tố đặc thù của “kỹ thuật pháp lý”, mà còn là bảo đảm quan trọng cho cả việc tiếp nhận mang tính thói quen về mặt xã hội và thái độ của mọi công dân đối với các quy tắc đó. Các đặc điểm về ngôn ngữ và văn hóa không thể không được cân nhắc đầy đủ trong quá trình hợp tác pháp luật. Các trường phái pháp luật, sự phụ thuộc đối với các họ và

hệ thống pháp luật cũng ảnh hưởng đến sự phản ánh các đặc điểm đó” (tr.186).

Trong chương IX, khi phân tích mối liên hệ tác động qua lại giữa luật học so sánh và công pháp quốc tế, tác giả nhấn mạnh rằng, “luật học so sánh đem đến cho công pháp quốc tế lợi ích hai mặt. Thứ nhất, các phương pháp do luật quốc tế sử dụng được làm phong phú thêm; thứ hai, chính nội dung của luật quốc tế cũng trở nên giàu có hơn” (tr.189). Vấn đề về mối quan hệ lẫn nhau của luật quốc tế và luật học so sánh, theo tác giả, cũng có thể được nghiên cứu ở hai khía cạnh là: ở khía cạnh kỹ thuật và ở khía cạnh pháp luật vật chất. Ở khía cạnh kỹ thuật, luật quốc tế đặt nghệ thuật đàm phán và soạn thảo quyết định chung dưới quyền của luật học so sánh, ở khía cạnh pháp luật vật chất, luật quốc tế xác định cả trật tự mang tính hình thức của việc ký kết công ước (tr.192). Khi phân tích mối quan hệ lẫn nhau giữa luật học so sánh và tư pháp quốc tế, tác giả khẳng định rằng, “luật học so sánh sử dụng công cụ tư pháp quốc tế cho phép xây dựng một cách đúng đắn các chế định tương ứng của luật dân sự quốc gia” (tr.194). Ngược lại, việc soạn thảo và thông qua các văn bản đã được pháp điển hóa về tư pháp quốc tế, theo tác giả, tạo ra những điều kiện thuận lợi đặc biệt cho việc áp dụng các số liệu, dữ liệu của luật học so sánh. Trong trường hợp này, khả năng tiến hành các nghiên cứu so sánh cụ thể, chi tiết về những vấn đề của tư pháp quốc tế đã được mở ra. Ở đó, luật học so sánh giúp làm sáng tỏ cả kinh nghiệm tích cực lẫn những hạn chế, bất cập của pháp luật nước ngoài” (tr.195).

Pháp luật châu Âu và luật học so sánh là tiêu đề của chương X của cuốn sách. Khi phân tích pháp luật định chế và pháp luật vật chất của pháp luật châu Âu, tác giả làm rõ nội dung và đặc điểm của chúng. Chẳng hạn, khi phân tích pháp luật vật chất của pháp luật châu Âu, tác

giả nhận xét rằng, “ở dạng chung nhất, pháp luật vật chất châu Âu quy định: 1) các quy phạm xác định chế độ tự do kinh tế được áp dụng đối với những người tham gia khác nhau vào đời sống kinh tế của EC: sự tổ chức cụ thể của việc hoạt động tự do của các thể nhân và tài sản, việc nghiêm cấm phân biệt đối xử giữa các quốc gia - thành viên EC, cấm các loại hoạt động mâu thuẫn với các nguyên tắc cạnh tranh lành mạnh, v.v...; 2) các nguyên tắc và quy phạm của việc thực hiện các biện pháp và hoạt động kinh tế chung trong các nước - thành viên EC” (tr.199). Khi phân tích các nguồn, đặc điểm, nội dung... của pháp luật của Hội đồng châu Âu cũng như mối quan hệ lẫn nhau giữa các quy phạm pháp luật của Hội đồng Châu Âu và các quy phạm của các quốc gia - thành viên của Hội đồng châu Âu, tác giả khẳng định rằng, “mối quan hệ lẫn nhau giữa các quy phạm pháp luật đó có đặc trưng là pháp luật của Hội đồng châu Âu và pháp luật quốc gia bổ sung và làm phong phú cho nhau. Pháp luật quốc gia là nguồn cơ bản của các Công ước của Hội đồng châu Âu... Mối liên hệ lẫn nhau của các trật tự pháp luật quốc gia và của trật tự pháp luật Hội đồng châu Âu cũng được biểu hiện thông qua các thủ tục bảo vệ các quyền và tự do của con người” (tr.203). Nhận xét về không gian pháp luật châu Âu, tác giả cho rằng, “sự hình thành không gian pháp luật châu Âu không có nghĩa là xuất hiện pháp luật châu Âu siêu Nhà nước nào đó” (tr.205). Không gian pháp luật châu Âu, theo tác giả, là hệ thống pháp luật vùng hợp nhất các hệ thống pháp luật quốc gia của các nước châu Âu và của Mỹ và Canada tham gia vào quá trình chung châu Âu và hệ thống pháp luật đó đảm bảo cơ sở pháp lý cho “Ngôi nhà chung châu Âu” bao hàm tất cả các định hướng pháp luật nhằm đảm bảo cho sự hiểu biết lẫn nhau và sự hợp tác” (tr.206).

Tác giả mở đầu phần riêng của cuốn sách với chương XI “họ pháp luật Rôman - Đức. Khi phân tích khái niệm, sự hình thành, sự truyền bá, các nguồn và cơ cấu pháp luật của họ pháp luật Rôman - Đức, tác giả rút ra 4 đặc trưng của họ pháp luật này (tr.224). Từ việc xem xét ở mức độ cụ thể hơn pháp luật Pháp và pháp luật Đức, tác giả kết luận rằng, “trong phạm vi của họ pháp luật Rôman - Đức đã hình thành một loạt cấu trúc và quan niệm pháp lý được phổ biến và thừa nhận rộng rãi trên thế giới. Đó là: 1) việc thừa nhận và ghi nhận về mặt lập pháp các nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền; 2) việc thực hiện ở mức độ lập pháp và ở mức độ áp dụng pháp luật nguyên tắc phân chia quyền lực; 3) việc bảo đảm quyền tư pháp Hiến pháp, tức việc xây dựng hệ thống giám sát Hiến pháp; 4) việc thành lập và sự điều chỉnh tư pháp hành chính; 5) việc tạo ra các điều kiện cho sự phát triển đa nguyên chính trị và đa nguyên pháp lý; 6) việc bảo đảm cho sự phát triển của tự quản địa phương và tự quản của Thẩm phán” (tr.241).

Khi phân tích vị trí của pháp luật Xcan-di-vơ trong bức tranh pháp luật thế giới, lịch sử phát triển các hệ thống pháp luật của các nước Xcan-di-vơ, sự nhất thể hóa và sự hòa hợp của các văn bản pháp luật của các nước Xcan-di-vơ, các nguồn của pháp luật Xcan-di-vơ, ngoài những đặc điểm giống với họ pháp luật Rôman - Đức như ở nguồn điều chỉnh pháp luật, ở việc sử dụng các quan niệm pháp lý, ở hệ thống đào tạo cán bộ pháp lý, tác giả còn rút ra 2 điểm khác biệt của hai hệ thống pháp luật đó (tr.254). Phân tích sự hình thành, quá trình pháp điển hóa và các nguồn của pháp luật ở các nước châu Mỹ La tinh, tác giả cho rằng, “trong lĩnh vực luật tư có thể nhóm các hệ thống pháp luật của các nước châu Mỹ La tinh thành hai nhóm. Nhóm thứ nhất bao gồm các hệ thống pháp luật về mặt thực tế tiếp nhận hoàn toàn Bộ luật dân sự Pháp và chỉ bị hạn chế bằng

việc dịch Bộ luật đó. Nhóm thứ hai bao gồm Bộ luật dân sự Chi-lê (1855), dù rằng bộ luật đó được tiếp nhận phần lớn từ Bộ luật dân sự Pháp, và giống như Bộ luật dân sự Ác-hen-ti-na là sự sáng tạo độc lập hoàn toàn và nguyên bản của pháp luật Nam Mỹ” (tr.264).

Khi phân tích hệ thống pháp luật Nhật Bản, ngoài việc làm rõ đặc điểm của quá trình hình thành và phát triển, nguồn, nội dung của hệ thống pháp luật này, tác giả đặc biệt tập trung phân tích các đặc điểm trong nhận thức về pháp luật của người Nhật Bản. Theo tác giả, “đặc điểm của ý thức pháp luật của người Nhật Bản được thể hiện ở sự mong muốn của các công dân giải quyết các tình huống xung đột mà không thông qua thủ tục Tòa án” (tr.279). Về tương lai của pháp luật Nhật Bản, tác giả đồng ý với quan điểm cho rằng, ngay cả các chế định của Nhật Bản sẽ được Phương Tây hóa hoàn toàn, và kỹ thuật lập pháp được hiện đại hóa thì việc áp dụng pháp luật dầu sao vẫn cảm thấy ở mình sức sống và tính hiện thực của các nguyên tắc truyền thống có ở lĩnh vực văn hóa của đất nước đó (tr.280).

Tại chương XII, thông qua việc phân tích sự hình thành của pháp luật thông luật Anh, luật án lệ của nước Anh, cơ cấu, các nguồn và nhóm cơ bản của pháp luật thông luật Anh, tác giả rút ra 11 đặc điểm đặc trưng của hệ thống pháp luật này (tr.290-294). Khi phân tích hệ thống pháp luật Xcốt-Len, tác giả làm rõ 3 nhân tố cơ bản cho phép phân biệt với pháp luật Anh (tr.296). Đề cập phân tích hệ thống pháp luật nước Mỹ, tác giả tập trung phân tích sự hình thành, khái niệm và các phạm trù cơ bản, các nguồn, từ đó rút ra 6 đặc điểm đặc trưng của hệ thống pháp luật nước Mỹ (tr.317-318). Cũng tại chương XII, khi xem xét hệ thống pháp luật của các nước thuộc cộng đồng Anh, tác giả nhận xét một cách xác đáng rằng, “tính giống nhau trong cách tiếp cận đối với việc giải quyết những

vấn đề pháp luật do pháp luật án lệ quy định. Một trong những đặc điểm đặc trưng của họ pháp luật thông luật được thể hiện ở sự giống nhau đó” (tr.341).

Tác giả dành một số lượng trang tương đối lớn để xem xét họ pháp luật xã hội chủ nghĩa tại chương XIII. Phân tích sự xuất hiện và các đặc điểm của pháp luật xã hội chủ nghĩa, hệ thống pháp luật Xô viết, các hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa ở châu Âu, các hệ thống pháp luật của các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Á, hệ thống pháp luật của Cuba, tác giả làm rõ tính đặc thù của nguồn, nội dung, cơ chế điều chỉnh pháp luật, phương pháp điều chỉnh pháp luật... của cả hệ thống xã hội chủ nghĩa và của từng nước trong hệ thống đó. Đồng thời tác giả cũng lập luận và chỉ ra viễn cảnh phát triển của pháp luật xã hội chủ nghĩa (tr.375- 377).

Tại chương XIV, thông qua việc phân tích pháp luật Hồi giáo, pháp luật Ấn Độ, các hệ thống pháp luật của các nước phương Đông, hệ thống pháp luật của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, họ pháp luật châu Phi, tác giả làm rõ các khái niệm, sự phổ biến, các nguồn, đặc điểm, các ngành luật cơ bản, các nhân tố tác động... của chúng. Tương tự, tại chương XV, tác giả làm rõ đặc điểm đặc trưng của họ pháp luật hỗn hợp mà theo tác giả “thể hiện ở chỗ chúng kết hợp được các yếu tố của họ pháp luật châu Âu lục địa với các yếu tố của họ pháp luật thông luật cũng như với các yếu tố của các hệ thống pháp luật truyền thống và pháp luật tôn giáo” (tr.434).

Với quy mô lớn, nội dung sâu sắc và phong phú, cuốn sách *Luật học so sánh* được giới thiệu trên đây có ý nghĩa thiết thực cả về mặt lý luận và thực tiễn. Vì vậy, sẽ là rất bổ ích cho những ai quan tâm đến luật học so sánh khi có cuốn sách này trên tay.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

HỒ SỸ SƠN

PGS.TS. Phó Giám đốc Học viện Khoa học xã hội